



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO

Tầng 4 - 168 Đường Láng, Quận Đống Đa

Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Tel: +84-4 3577 0781 / Fax: +84-4 3577 0787

www.vaco.com.vn / vacohn@vaco.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ HẢI PHÒNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 21

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Hoàng Thanh Hải
Bà Lê Thị Bích Huệ
Ông Trần Văn Long
Ông Mai Văn Minh

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Ủy viên
Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Hoàng Thanh Hải
Ông Mai Văn Minh
Bà Lê Thị Bích Huệ

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Hoàng Thanh Hải
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 25 tháng 03 năm 2014

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**

Tầng 4, 168 Đường Láng, Đống Đa, Hà Nội

ĐT: (84-4) 3577 0781; Fax: (84-4) 3577 0787

Email: vacohn@vaco.com.vn

Website: www.vaco.com.vn

Số: 061 /VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 25/03/2014 từ trang 03 đến trang 21, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “Báo cáo tài chính”).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Minh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN-ĐKHN Kiểm toán: 0294-2013-156-1

Phạm Xuân Sơn
Kiểm toán viên
Số Giấy CN-ĐKHN Kiểm toán: 1450-2013-156-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		83.028.436.195	88.001.667.796
I-	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		712.680.018	719.751.647
1.	Tiền	111	5	712.680.018	719.751.647
II-	Các khoản phải thu	130		23.886.274.983	24.626.338.661
1.	Phải thu của khách hàng	131	6	24.296.495.129	24.519.165.726
2.	Trả trước cho người bán	132		200.000.000	72.000.000
3.	Các khoản phải thu khác	135		46.753.906	35.172.935
4.	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(656.974.052)	-
III-	Hàng tồn kho	140	7	57.806.556.411	61.517.205.601
1.	Hàng tồn kho	141		57.806.556.411	61.517.205.601
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
IV-	Tài sản ngắn hạn khác	150		622.924.783	1.138.371.887
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		271.036.533	85.066.015
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		333.778.449	1.037.193.901
3.	Tài sản ngắn hạn khác	158		18.109.801	16.111.971
B-	TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250)	200		91.852.545.748	93.798.579.301
I-	Tài sản cố định	220		19.852.545.748	21.798.579.301
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	8	19.738.545.748	21.798.579.301
-	- Nguyên giá	222		25.131.039.027	24.979.169.563
-	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.392.493.279)	(3.180.590.262)
2.	Tài sản cố định vô hình	227	9	114.000.000	-
-	- Nguyên giá	228		120.000.000	-
-	- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.000.000)	-
II-	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		72.000.000.000	72.000.000.000
1.	Đầu tư vào công ty con	251	10	72.000.000.000	72.000.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)		270		174.880.981.943	181.800.247.097

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A-	NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		42.815.090.431	61.720.765.520
I-	Nợ ngắn hạn	310		42.815.090.431	59.720.765.520
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	11	30.916.339.584	38.960.036.006
2.	Phải trả cho người bán	312	12	7.598.652.682	8.102.186.840
3.	Người mua trả tiền trước	313		337.162.123	36.487.836
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	2.662.910.773	10.264.589.701
5.	Phải trả người lao động	315		546.608.506	988.503.445
6.	Chi phí phải trả	316		82.745.283	470.349.620
7.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14	238.196.454	433.337.046
8.	Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		432.475.026	465.275.026
II-	Nợ dài hạn	330		-	2.000.000.000
1.	Vay và nợ dài hạn	334		-	2.000.000.000
B-	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		132.065.891.512	120.079.481.577
I-	Vốn chủ sở hữu	410	15	132.065.891.512	120.079.481.577
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		94.922.000.000	94.922.000.000
2.	Quỹ đầu tư phát triển	417		646.751.137	646.751.137
3.	Quỹ dự phòng tài chính	418		1.020.609.893	1.070.154.053
4.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		35.476.530.482	23.440.576.387
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		174.880.981.943	181.800.247.097

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	31/12/2013	01/01/2013
1. Ngoại tệ các loại USD	2.038,75	9.852,61



Hoàng Thanh Hải
Tổng Giám đốc

Lê Thị Bích Huệ
Kế toán trưởng

Trịnh Thị Lan Phương
Người lập biểu

Hải Phòng, ngày 25 tháng 03 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

NỘI DUNG	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		297.964.399.437	261.144.487.549
2. Các khoản giảm trừ	02		1.855.838.371	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	16	296.108.561.066	261.144.487.549
4. Giá vốn hàng bán	11	17	265.310.126.270	230.287.041.297
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		30.798.434.796	30.857.446.252
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		17.953.959	22.615.370
7. Chi phí tài chính	22	19	4.498.130.617	5.996.054.148
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.684.124.138	5.958.506.088
8. Chi phí bán hàng	24		4.990.857.838	2.906.374.334
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5.608.487.712	6.896.291.341
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		15.718.912.588	15.081.341.799
11. Thu nhập khác	31		3.706.095.799	46.834.217.778
12. Chi phí khác	32		3.377.069.594	1.858.560.157
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	20	329.026.205	44.975.657.621
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		16.047.938.793	60.056.999.420
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	4.011.984.698	10.509.974.899
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51)	60		12.035.954.095	49.547.024.521
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.268	6.467



Hoàng Thanh Hải
Tổng Giám đốc

Lê Thị Bích Huệ
Kế toán trưởng

Trịnh Thị Lan Phương
Người lập biểu

Hải Phòng, ngày 25 tháng 03 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2013	Năm 2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	233.715.516.536	234.051.300.709
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(196.477.059.514)	(221.732.486.444)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(3.625.466.075)	(9.071.346.317)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(3.684.124.138)	(5.995.596.394)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(11.592.846.921)	(3.191.042.227)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	118.543.578	556.501.979
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(8.157.979.905)	(7.958.660.043)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	10.296.583.561	(13.341.328.737)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(277.912.727)	(7.567.021.358)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	17.953.959	22.597.131
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(259.958.768)	(7.544.424.227)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	173.492.677.182	180.020.731.898
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(183.536.373.604)	(157.193.245.733)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(1.922.681.700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(10.043.696.422)	20.904.804.465
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(7.071.629)	19.051.501
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	719.751.647	700.700.146
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	712.680.018	719.751.647



Hoàng Thanh Hải
Tổng Giám đốc

Lê Thị Bích Huệ
Kế toán trưởng

Trịnh Thị Lan Phương
Người lập biểu

Hải Phòng, ngày 25 tháng 03 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty") được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0203000691 ngày 13/01/2004; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 ngày 10/08/2012.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 94.922.000.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2013 là 50 người (tại ngày 31/12/2012 là 48 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất đồ điện dân dụng
- Đại lý, môi giới, đấu giá
- Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện
- Sản xuất máy thông dụng khác
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
- Đại lý du lịch
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường tủ, bàn ghế và đồ nội thất
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
- Sản xuất sản phẩm từ Plastic

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Hình thức kế toán áp dụng

Nhật ký chung.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

Các bên liên quan gồm:

- Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty.
- Công ty Cổ phần Điện cơ Phong Lan - Công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC ("Thông tư 45") hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ("Thông tư 203") ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC ("Thông tư 89") sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và tài sản tài chính khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác và các khoản vay.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần được trình bày trên bảng cân đối kế toán khi Công ty có quyền hợp pháp thực hiện bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần hoặc thu được các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả đồng thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá trị ghi sổ của khoản phải thu khách hàng và phải thu khác cùng dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền năm. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao
Nhà cửa vật kiến trúc	8 - 25
Máy móc thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị quản lý	3 - 5

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là một công ty mà Công ty mẹ nắm trên 50% quyền kiểm soát. Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc trên bảng cân đối kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư dài hạn khi vốn góp thực tế của Công ty tại các công ty con, công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ lệ trích lập dựa trên tỷ lệ giữa số vốn đầu tư của công ty mẹ và tổng số vốn góp thực tế của các bên vào các đơn vị này.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản chi phí lãi vay, chi phí điện nước, chi phí kinh doanh khác.

Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn thực góp của các cổ đông. Lợi nhuận sau thuế được phân phối và trích lập các quỹ theo quyết định của Đại Hội đồng cổ đông và Điều lệ Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt tại quỹ	169.799.511	51.158.107
Tiền gửi ngân hàng	542.880.507	668.593.540
	<u>712.680.018</u>	<u>719.751.647</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công ty TNHH TM và SXXD Phú Đức Phát	1.768.167.807	524.400.446
Công ty TNHH TM và DV Vận Tải Việt Khoa	530.005.926	579.487.200
Công ty TNHH MTV Điện cơ Thống Nhất	1.084.733.100	-
Công ty TNHH MTV Quang điện - Điện tử	2.815.928.350	886.913.110
Công ty TNHH Hà Nội Ching Hai Electric Works	1.530.654.800	1.057.167.099
Công ty CP Cơ khí Quảng Ninh	400.000.000	-
Công ty TNHH Tân Thành	2.837.659.000	849.320.000
Công ty Cổ phần Điện cơ Phong Lan	10.538.029.028	16.437.367.720
Các đối tượng khác	2.791.317.118	4.184.510.151
	24.296.495.129	24.519.165.726

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	24.934.345.020	27.620.422.703
Công cụ, dụng cụ tồn kho	100.491.733	598.810.946
Hàng hóa tồn kho	32.771.719.658	33.297.971.952
Tổng cộng	57.806.556.411	61.517.205.601
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	57.806.556.411	61.517.205.601

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	P.tiện vận tải, t.bị truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2013	18.128.905.344	3.838.863.583	2.988.673.363	22.727.273	24.979.169.563
Mua sắm mới	-	-	277.912.727	-	277.912.727
Phân loại lại sang công cụ dụng cụ [i]	-	(48.315.990)	-	(22.727.273)	(71.043.263)
Giảm do thanh lý, nhượng bán	-	(55.000.000)	-	-	(55.000.000)
Số dư tại 31/12/2013	18.128.905.344	3.735.547.593	3.266.586.090	-	25.131.039.027
HAO MÒN LUỸ KẾ					
Số dư tại 01/01/2013	1.750.309.491	400.255.985	1.020.555.088	9.469.698	3.180.590.262
Khấu hao trong năm	1.560.974.396	398.344.246	322.026.730	2.272.727	2.283.618.099
Phân loại lại sang công cụ dụng cụ [i]	-	(48.315.990)	-	(11.742.425)	(60.058.415)
Giảm do thanh lý, nhượng bán	-	(11.656.667)	-	-	(11.656.667)
Số dư tại 31/12/2013	3.311.283.887	738.627.574	1.342.581.818	-	5.392.493.279
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư tại 01/01/2013	16.378.595.853	3.438.607.598	1.968.118.275	13.257.575	21.798.579.301
Số dư tại 31/12/2013	14.817.621.457	2.996.920.019	1.924.004.272	-	19.738.545.748

[i] Tài sản cố định giảm trong năm do phân loại lại theo hướng dẫn của thông tư 45/TT-BTC ban hành ngày 25/04/2013.

Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng đến ngày 31/12/2013 là 199.697.520 đồng (tại 01/01/2013 là 191.173.133 đồng).

Giá trị còn lại đến 31/12/2013 của các TSCĐ đem thế chấp cho các khoản vay là 6.157.965.958 đồng (tại 01/01/2013 là 6.878.898.558 đồng).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2013	-	-
Mua sắm mới	120.000.000	120.000.000
Số dư tại 31/12/2013	<u>120.000.000</u>	<u>120.000.000</u>
HAO MÒN LUỸ KẾ		
Số dư tại 01/01/2013	-	-
Khấu hao trong năm	6.000.000	6.000.000
Số dư tại 31/12/2013	<u>6.000.000</u>	<u>6.000.000</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư tại 01/01/2013	-	-
Số dư tại 31/12/2013	<u>114.000.000</u>	<u>114.000.000</u>

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Góp vốn vào Công ty con	72.000.000.000	72.000.000.000
	<u>72.000.000.000</u>	<u>72.000.000.000</u>

Tên Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Điện cơ Phong Lan	Số 734 Nguyễn Văn Linh, Lê Chân, Hải Phòng	90,00%	90,00%	Sản xuất quạt điện

11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Vay ngắn hạn	30.916.339.584	37.960.036.006
- Ngân hàng Công thương Hồng Bàng (i)	30.916.339.584	37.960.036.006
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	1.000.000.000
- Ngân hàng Công thương Hồng Bàng	-	1.000.000.000
Tổng cộng	<u>30.916.339.584</u>	<u>38.960.036.006</u>

(i) Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 01/2013-HĐTĐHM/NHCT166-DCHP ngày 25/7/2013 được gia hạn với hạn mức từ hợp đồng tín dụng số 01/HM/2012 ngày 10/8/2012 với hạn mức cho vay 55.000.000.000 VND đã bao gồm dư nợ thực tế hết ngày 25/7/2013 của Hợp đồng tín dụng số 01/HM/2012 ngày 10/8/2012 chuyển sang. Thời hạn duy trì mức cho vay từ ngày 25/7/2013 đến ngày 25/7/2014. Mục đích vay là phục vụ sản xuất kinh doanh, mở L/C trả thay thanh toán bằng vốn vay theo ngành nghề kinh doanh của công ty. Lãi suất cho vay trong bất kỳ kỳ hạn tính lãi nào sẽ là lãi suất năm và bằng tổng của lãi suất cơ sở và biên độ 8%/năm đối với trường hợp nhận nợ bằng VND, lãi suất cho vay VND áp dụng cho kỳ tính lãi đầu tiên là 13,5%/năm. Tài sản thế chấp là toàn bộ vật kiến trúc gắn liền với đất đai tại số 734 Nguyễn Văn Linh, phường Niệm Nghĩa, quận Lê Chân, TP. Hải Phòng và máy móc thiết bị, phương tiện vận tải của Bên B theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/PTVT/2012 ký ngày 28/09/2012.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công ty TNHH Tâm Chiến Tachiko	-	742.500.000
Công ty TNHH Thương mại Phú Lâm	-	940.500.000
Công ty TNHH Sơn bột tĩnh điện Akzo Việt Nam	459.124.186	419.932.250
Công ty CP Đầu tư và phát triển Thành Nghĩa	236.287.113	562.950.894
Công ty TNHH TM - DV Dương Tường Giang	565.173.840	823.648.925
Công ty TNHH Tân Thành	1.652.877.591	1.015.169.034
Công ty TNHH Sản xuất TM & DV Trường Long Giang	944.350.000	411.400.000
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Phú Lâm	2.900.700.000	-
Các đối tượng khác	840.139.952	3.186.085.737
	7.598.652.682	8.102.186.840

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.661.784.698	10.242.646.921
Thuế Nhập khẩu	-	7.025.284
Thuế thu nhập cá nhân	1.126.075	14.917.496
	2.662.910.773	10.264.589.701

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	214.020.602	404.081.393
Các khoản phải trả, phải nộp khác	24.175.852	29.255.653
	238.196.454	433.337.046

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư ngày 01/01/2012	16.900.000.000	4.439.500.000	2.967.251.137	685.698.735	13.823.283.596	38.815.733.468
Lãi trong năm	-	-	-	-	49.547.024.521	49.547.024.521
Phát hành cổ phiếu riêng lẻ	34.082.000.000	-	-	-	-	34.082.000.000
Chia cổ phiếu thưởng	43.940.000.000	(4.439.500.000)	(2.320.500.000)	-	(37.180.000.000)	-
Phân phối lợi nhuận trong năm	-	-	-	413.525.015	(2.749.731.730)	(2.336.206.715)
Tăng/(giảm) khác	-	-	-	(29.069.697)	-	(29.069.697)
Số dư ngày 01/01/2013	94.922.000.000	-	646.751.137	1.070.154.053	23.440.576.387	120.079.481.577
Lãi trong năm	-	-	-	-	12.035.954.095	12.035.954.095
Tăng/(giảm) khác	-	-	-	(49.544.160)	-	(49.544.160)
Số dư ngày 31/12/2013	94.922.000.000	-	646.751.137	1.020.609.893	35.476.530.482	132.065.891.512

Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty:

	31/12/2013	01/01/2013	
Cổ phiếu phổ thông			
+ Số cổ phiếu được phép phát hành	9.492.200	9.492.200	cổ phiếu
+ Số cổ phiếu đã được phát hành và được góp vốn đầy đủ	9.492.200	9.492.200	cổ phiếu
+ Mệnh giá của cổ phiếu	10.000	10.000	đồng/ cổ phiếu
+ Số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm cuối năm	9.492.200	9.492.200	cổ phiếu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Vốn điều lệ của Công ty là 94.922.000.000 đồng. Tại ngày 31/12/2013, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ là 94.922.000.000 đồng, số liệu vốn góp chi tiết của các cổ đông đến thời điểm 30/06/2013 như sau:

	Vốn đã góp tại 30/06/2013		Vốn đã góp tại 01/01/2013	
	VND	(%)	VND	(%)
Hoàng Thanh Hải	13.072.540.000	13,8%	13.072.540.000	13,8%
Lê Thị Bích Huệ	3.526.250.000	3,7%	3.526.250.000	3,7%
Nguyễn Việt Dũng	4.000.000.000	4,2%	4.000.000.000	4,2%
Phạm Tiến Dũng	4.183.000.000	4,4%	4.183.000.000	4,4%
Nguyễn Quốc Tuấn	4.500.000.000	4,7%	4.500.000.000	4,7%
Vũ Văn Nam	4.000.000.000	4,2%	4.000.000.000	4,2%
Nguyễn Văn Chuốt	3.381.300.000	3,6%	3.381.300.000	3,6%
Nguyễn Khánh Cường	3.028.000.000	3,2%	3.028.000.000	3,2%
Nguyễn Thị Thanh Hào	3.000.000.000	3,2%	3.000.000.000	3,2%
Phan Quang Huy	3.500.000.000	3,7%	3.500.000.000	3,7%
Khác	48.730.910.000	51,3%	48.730.910.000	51,3%
	94.922.000.000	100%	94.922.000.000	100%

16. DOANH THU BÁN HÀNG

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	297.964.399.437	261.144.487.549
Các khoản giảm trừ		
- Chiết khấu thương mại	(1.855.838.371)	-
Doanh thu thuần về bán hàng	296.108.561.066	261.144.487.549

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Giá vốn hàng bán	265.310.126.270	230.287.041.297
	265.310.126.270	230.287.041.297

18. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.308.757.539	80.549.302.357
Chi phí nhân công	3.742.891.574	9.742.384.408
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.003.565.498	2.170.658.829
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.710.415.355	3.395.225.049
Chi phí bằng tiền khác	2.833.715.584	1.007.852.202
	10.599.345.550	96.865.422.845

Chi phí sản xuất kinh doanh biến động lớn do năm 2012 Công ty vẫn còn hoạt động sản xuất, tuy nhiên từ tháng 06 năm 2012 Công ty đã góp vốn dây chuyền sản xuất vào Công ty Cổ phần Điện cơ Phòng Lan và Công ty chỉ còn hoạt động thương mại từ tháng 06 năm 2012.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền vay	3.684.124.138	5.958.506.088
Chênh lệch tỷ giá thực hiện	96.389.754	37.548.060
Chiết khấu thanh toán	717.616.725	-
	4.498.130.617	5.996.054.148

20. LỢI NHUẬN KHÁC

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chênh lệch giá trị tài sản góp vốn vào công ty con	-	44.455.986.172
Thu nhập khác	3.706.095.799	2.378.231.606
Thu nhập khác	3.706.095.799	46.834.217.778
Chi phí khác	3.377.069.594	1.858.560.157
Chi phí khác	3.377.069.594	1.858.560.157
Lợi nhuận khác	329.026.205	44.975.657.621

21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	16.047.938.793	60.056.999.420
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
Thu nhập chịu thuế	16.047.938.793	60.056.999.420
Thu nhập từ bán hàng	16.047.938.793	15.081.341.799
Thu nhập từ đánh giá lại tài sản đem góp vốn	-	44.975.657.621
Thuế suất	25%	25%
Thuế TNDN hiện hành từ bán hàng	4.011.984.698	3.770.335.450
Thuế TNDN từ đánh giá lại tài sản đem góp vốn	-	11.243.914.405
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	-	(4.504.274.956)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.011.984.698	10.509.974.899

Công ty đã xác định thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không còn sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	31/12/2013	1/1/2013
	Giá gốc	Giá gốc
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	712.680.018	719.751.647
Phải thu khách hàng, phải thu khác	23.686.274.983	24.554.338.661
Cộng	24.398.955.001	25.274.090.308
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	30.916.339.584	40.960.036.006
Phải trả người bán, phải trả khác	7.836.849.136	8.535.523.886
Chi phí phải trả	82.745.283	470.349.620
Cộng	38.835.934.003	49.965.909.512

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	712.680.018	-	712.680.018
Phải thu khách hàng, phải thu khác	23.686.274.983	-	23.686.274.983
Cộng	24.398.955.001	-	24.398.955.001
Tại ngày 31/12/2013			
Vay và nợ	30.916.339.584	-	30.916.339.584
Phải trả người bán, phải trả khác	7.836.849.136	-	7.836.849.136
Chi phí phải trả	82.745.283	-	82.745.283
Cộng	38.835.934.003	-	38.835.934.003
Chênh lệch thanh khoản thuần	14.436.979.002	-	14.436.979.002
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	719.751.647	-	719.751.647
Phải thu khách hàng, phải thu khác	24.554.338.661	-	24.554.338.661
Cộng	25.274.090.308	-	25.274.090.308
Tại ngày 01/01/2013			
Vay và nợ	38.960.036.006	2.000.000.000	40.960.036.006
Phải trả người bán, phải trả khác	8.535.523.886	-	8.535.523.886
Chi phí phải trả	470.349.620	-	470.349.620
Cộng	47.965.909.512	2.000.000.000	49.965.909.512
Chênh lệch thanh khoản thuần	22.691.819.204	2.000.000.000	24.691.819.204

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ

- Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khóa sổ đến thời điểm phát hành báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu và cần phải trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty.

24. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính năm 2012 đã được kiểm toán.



Hoàng Thanh Hải
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 25 tháng 03 năm 2014

Lê Thị Bích Huệ
Kế toán trưởng

Trịnh Thị Lan Phương
Người lập biểu